

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/DS-PT

Ngày: 11/6/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tấn Hoàng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Minh Quang và ông Lương Quang

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thu Hà -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Ông Lê Minh Chánh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2019/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S –sinh năm 1964; Trú tại: 27 T, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh H; HKTT: 87 L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nơi làm việc: Gác chắn đường sắt L, Đội quản lý đường sắt T, số 222 L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

**Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

-Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2013 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn Lê Minh H trả nợ tiền mua xe 10.900.000đ, lãi theo quy định pháp luật từ ngày nhận nợ 05/8/2012 đến ngày trả nợ cuối cùng.

- Bị đơn ông Lê Minh H vắng mặt không trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 105/2019/DSST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 BLDS 2005;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2013. Buộc bị đơn ông Lê Minh H phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ mua xe máy là 17.923.000đ (Mười bảy triệu chín trăm hai mươi ba ngàn đồng) (trong đó gốc 10.900.000đ, lãi 7.023.000đ). Bà Hồ Thị Thanh S phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho ông H sau khi ông H trả xong nợ và có yêu cầu chuyển sở hữu.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 01/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, án phí, quy định thi hành án và thời hạn kháng cáo của đương sự.

Ngày 24/12/2019, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu tính lãi 1.125%/tháng.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn xin vắng mặt giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người kháng cáo nguyên đơn bà Sương đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Minh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo yêu cầu tính lãi suất quá hạn là 1.125%/tháng chứ không đồng ý tính lãi suất 0.75%/tháng như bản án sơ thẩm đã tính. Bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn ông Lê Minh H trả nợ tiền mua xe 10.900.000đ, lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/8/2012 cho đến ngày trả nợ cuối cùng, kèm theo đơn khởi kiện là bản gốc Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp ký ngày 05/8/2012 có nội dung “Tôi mua chiếc xe máy của bà Hồ Thị Thanh S nhãn hiệu Suvina quá lâu hai bên xác nhận nợ đến ngày 05/8/2012 còn nợ 10.900.000đ, góp 18 tháng, mỗi tháng góp 600.000đ, lãi chậm trả 2,5%/tháng, tại Giấy cam kết này ông H “đồng ý ngày 20 hàng tháng trả 600.000đ cho chị S đến hết số tiền còn nợ lại”. Các bên thỏa thuận góp mỗi tháng, nếu trễ tính lãi phạt bằng 2,5%/tháng/tổng nợ, áp dụng các quy định tại các Điều 438, khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 giữa các bên có thỏa thuận về lãi trả chậm tuy nhiên lãi thỏa thuận vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố do đó chỉ chấp nhận tính lãi suất là 1.125%/tháng. Do đó xác định lãi chậm trả tính từ ngày 05/9/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/10/2019 là 07 năm 01 tháng 27 ngày x 10.900.000đ x 1.125%/tháng = 10.533.487đ (*Mười triệu năm trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng*).

Như vậy ông Lê Minh H phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S khoản tiền nợ mua xe máy là 21.433.487đ (*Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng*) (trong đó gốc 10.900.000đ, lãi 10.533.487đ ). Do đó chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, sửa 1 phần bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Sửa 1 phần bản án sơ thẩm về phần tính lãi.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 439, 461, 305 BLDS 2005; Căn cứ Điều 91, 96 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2013. Buộc bị đơn ông Lê Minh H phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh Sương khoản tiền nợ mua xe máy là 21.433.487đ (*Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi bảy đồng*) (trong đó gốc 10.900.000đ, lãi 10.533.487đ ). Bà Hồ Thị Thanh S phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho ông H sau khi ông H trả xong nợ và có yêu cầu chuyển sở hữu.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 01/11/2019) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

3. Về án phí: Bị đơn Lê Minh H phải chịu 1.071.674 đồng án phí DSST. Bà Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí DSST và án phí DSPT nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 272.000đ theo Biên lai thu tiền số 10648 ngày 06/5/2013 và 300.000đ theo biên lai số 0001104 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA.

**(Đã ký)**

**Mai Tấn Hoàng**